TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 422/2025/HS-PT
Ngày: 29 - 9 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Công Mười

Ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ức Minh Thanh Thúy - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm – Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2025/TLPT-HS ngày 08 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo Trương Hoàng S và Nguyễn Phước H, do có kháng cáo của các bị cáo với Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2025/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Trương Hoàng S, sinh ngày 30 tháng 12 năm 1976, tại thị xã T, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú, chỗ ở: Số F H, khóm L, phường L, thị xã T,(nay là phường L) tỉnh An Giang; nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Trưởng Công an xã V, thị xã T, tỉnh An Giang; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: Cử nhân; đảng, đoàn: là Đảng viên Đ4, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; con ông Trương Văn H1 và bà Phan Thị L; vợ là Phó Thị Thu D và có 02 con;Tiền án, tiền sự: không;Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/11/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh A (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trương Hoàng S: Bà Hồ Hoàng P là Luật sư, Văn phòng L3, thuộc Đoàn luật sư tỉnh A; địa chỉ: A đường T, tổ A, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Nguyễn Phước H, sinh ngày 11 tháng 9 năm 1977, tại huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký thường trú, chỗ ở: Ấp L, xã L, huyện H (nay là xã L),tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Trinh sát viên trung cấp, Điều tra viên sơ cấp Đội Cảnh sát điều tra về tội phạm Kinh tế - Ma túy Công an thị xã T, tỉnh An Giang; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: Cử nhân; đảng, đoàn: là Đảng viên Đ4, đã bị gia hạn đình chỉ sinh hoạt Đảng; vợ Lê Thị Minh T (ly hôn); có 01 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/11/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh A (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phước H:

- Luật sư Đoàn Thiện Đ, Văn phòng L4 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: Số A đường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Luật sư Huỳnh Thanh N, Đoàn luật sư thành phố C (có mặt).

(Trong vụ án còn có các bị cáo Lê Văn S1, Phan Văn Đ1, Lê Văn L1, Trần Văn Đ2, Hồ Văn M, Huỳnh Thị Tuyết N1 không kháng cáo)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối năm 2023 đầu năm 2024, bị cáo Lê Văn S1 bàn với bị cáo Võ Văn C về việc qua Campuchia mua heo hơi (heo thịt) về Việt Nam bán lại; Trong đó, bị cáo S1 là người liên hệ với một người tên M1 (là người Campuchia chưa rõ lai lịch) để mua heo, bị cáo S1 được hưởng lợi 1.200/kg, còn bị cáo C do có quen biết với công chức Hải quan và Công an cửa khẩu C1 nên bị cáo C và bị cáo S1 thống nhất mỗi con heo đưa về Việt Nam, bị cáo C sẽ nhận 350.000 đồng để lo vận chuyển heo qua biên giới như: chi cho lực lượng cửa khẩu phía Campuchia, thuê người kiểm đếm số lượng, thuê phương tiện, thuê người lái vỏ lãi vận chuyển heo trái phép trong đêm từ Campuchia về Việt Nam và thuê người lùa heo tại điểm tập kết tại khu vực xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. Khi có heo chuyển vào Việt Nam, bị cáo S1 thông tin cho bị cáo Phan Văn Đ1 (làm thuê cho lò giết mổ heo của bị cáo S1) để bị cáo Đ1 báo lại cho bị cáo C. Sau đó bị cáo C thuê vỏ lãi của bị cáo Đ1 (bị cáo Đ1 thuê bị cáo Trần Văn Đ2 lái vỏ lãi) và thuê bị cáo Lê Văn L1 lái vỏ lãi do bị cáo C thuê của Nguyễn Thi Thu T1; bị cáo C hướng dẫn các bị cáo Đ2, L1 và một số đối tượng khác là người Campuchia lái vỏ lãi đi từ Việt Nam qua biên giới Campuchia để vận chuyển heo từ Campuchia về Việt Nam. Khi heo được vận chuyển về tới điểm tập kết tại khu vực xã V, thị xã T, tỉnh An Giang thì bị cáo S1 thuê bị cáo Phan Văn Đ1, Phan Thanh M2, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Hoàng D1 để lùa heo từ vỏ lãi lên, rồi giao về lò mổ của bị cáo S1 để bán cho mối lái tại địa phương và vận chuyển đi bán cho thương lái khác trên địa bàn trong và ngoài tỉnh An Giang; còn bị cáo C thuê Nguyễn Văn T2 kiểm đếm số lượng heo vận chuyển trên địa bàn xã V rồi báo lại cho bị cáo C biết số lượng để tính tiền với bị cáo S1. Sau mỗi chuyến buôn lậu heo, bị cáo S1 tính khối lượng heo và nhận tiền từ Mẽnh, phần tiền của

bị cáo S1 thì bị cáo S1 lấy, phần tiền của bị cáo C thì bị cáo S1 đưa lại cho bị cáo C. Bình quân mỗi đêm, bị cáo S1 cùng các đồng phạm vận chuyển khoảng 50 con heo từ Campuchia về Việt Nam để bán, tổng cộng đã buôn lậu trót lọt trên 1.000 con heo hơi từ Campuchia về Việt Nam, bị cáo S1 hưởng lợi từ hành vi buôn lậu heo khoảng 120.000.000 đồng. Bị cáo C nhận từ bị cáo S1 khoảng 350.000.000 đồng, số tiền này bị cáo C sử dụng chung chi cho lực lượng cửa khẩu phía Campuchia, chi tiền cho bị cáo Đ1 khoảng 8.000.000 đồng; bị cáo Đ2 1.200.000 đồng; bị cáo L1 300.000 đồng; đưa hối lộ cho bị cáo Trương Hoàng S (nguyên Trưởng Công an xã V), bị cáo Nguyễn Phước H (nguyên là Trinh sát viên trung cấp, Điều tra viên sơ cấp công tác tại Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an thị xã T) để bị cáo S và bị cáo H bỏ qua không bắt giữ, xử lý hành vi buôn lậu heo của bị cáo S1 và bị cáo C.

Khoảng 19 giờ ngày 29/5/2024, bị cáo S1 điện thoại thông báo cho bị cáo C biết đã đặt cọc mua 180 con heo hơi Mễnh để bị cáo C thuê chuyển heo về Việt Nam. Bị cáo C điện thoại cho bị cáo Trần Văn Đ2, bị cáo Lê Văn L1 và Nguyễn Văn X để lái 03 vỏ lãi do bị cáo C thuê và chỉ đường cho bị cáo Đ2, bị cáo L1 và X lái vỏ lãi qua sông T, chạy dọc theo hướng cửa khẩu T4 thuộc huyện H, tỉnh Đồng Tháp lên cửa khẩu biên giới C2 đến nơi có tín hiệu đèn pin theo địa điểm do bị cáo C cung cấp rồi nhận heo chuyển về điểm tập kết tại khu vực mương C thuộc xã V và xã T, thị xã T; còn bị cáo Đ1, M2, H2, D1 lùa heo, T2 kiểm điếm số lượng. Đến rạng sáng ngày 30/05/2024, bị cáo Đ2 vận chuyển 03 chuyến, bị cáo L1 vận chuyển 02 chuyến, X vận chuyển 01 chuyến, mỗi chuyến vận chuyển khoảng 20 con heo, tổng cộng được 111 con heo hơi về Việt Nam và đưa đi tiêu thụ. Sau đó trong lúc bị cáo L1 điều khiển vỏ lãi tiếp tục vận chuyển 22 con heo từ Campuchia về địa bàn xã V thì bị Công an xã V rượt đuổi và bắt giữ; Riêng bị cáo Trần Văn Đ2 điều khiển vỏ lãi còn lại chở 21 con heo bị mắc cạn trên sông, đến sáng cũng bị bắt giữ, tạm giữ toàn bộ tang vật và phương tiện xử lý.

Kết luận định giá số 853/KL-HĐĐG.TTHS ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T:

- 22 con heo hơi, tình trạng tất cả con heo còn sống có tổng khối lượng 2.129Kg, giá trị 151.159.000 đồng.

- 21 con heo hơi, tình trạng tất cả con heo còn sống có tổng khối lượng 1.968Kg, giá trị 139.728.000 đồng.

Tổng cộng 43 con heo hơi có tổng khối lượng 4.097 Kg, giá trị 290.887.000 đồng.

Để việc buôn lậu heo hơi từ Campuchia về địa bàn xã V, thị xã T, tỉnh An Giang không bị Cơ quan chức năng bắt giữ, xử lý, bị cáo Võ Văn C thông qua bị cáo Hồ Văn M (K) đến gặp bị cáo Trương Hoàng S (Trưởng Công an xã V) xin vận chuyển heo qua địa bàn, mỗi đêm vận chuyển heo xong thì buổi sáng hôm sau bị cáo C đưa tiền cho bị cáo M để đưa tiền cho bị cáo S. Trường hợp bị cáo M không đến lấy thì bị cáo C sẽ kêu vợ là bị cáo Huỳnh Thị Tuyết N1 chuyển khoản cho bị cáo S. Sau nhiều lần buôn lậu không bị bắt, khoảng đầu năm 2024, bị cáo M (Khá) được bị cáo Trương Hoàng S giới thiệu bị cáo Nguyễn Phước H

là Trinh sát viên, Điều tra viên công tác tại Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an thị xã T phụ trách tuyến đường tỉnh lộ 952 từ trung tâm thị xã T đến cửa khẩu V (trong đó có đi qua địa bàn xã V) và cho số điện thoại của bị cáo H để bị cáo M giới thiệu cho bị cáo C biết và yêu cầu bị cáo C nếu có vận chuyển heo hơi từ Campuchia về xã V, ngoài chung chi tiền cho bị cáo S thì phải chung chi tiền cho bị cáo H mỗi chuyến 1.500.000 đồng – 4.000.000 đồng, bị cáo C đồng ý. Từ đó, mỗi chuyến bị cáo C thuê người chuyển heo từ Campuchia xuống đến biên giới Việt Nam qua địa bàn xã V thì sáng ngày hôm sau, bị cáo C đến gặp bị cáo S1 lấy tiền, sau đó bị cáo C điện thoại rủ bị cáo M uống cà phê, rồi đưa tiền cho bị cáo M để bị cáo M đưa cho bị cáo S; những lần bị cáo M không đến lấy tiền thì bị cáo M kêu bị cáo C chuyển khoản cho các bị cáo S và H. Bị cáo C đưa tiền và kêu vợ là bị cáo Huỳnh Thị Tuyết N1 chuyển khoản cho các bị cáo S và H, bị cáo N1 biết là tiền đưa hối lộ nhưng vẫn chuyển cho các bị cáo S và H. Trong đó:

- Từ ngày 30/12/2023 đến 19/02/2024, bị cáo Huỳnh Thị Tuyết N1 chuyển khoản cho bị cáo Trương Hoàng S 09 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng, tổng số tiền 18.000.000 đồng và 01 lần ngày 27/5/2024 bị cáo Hồ Văn M kêu Nguyễn Văn T3 gặp bị cáo C lấy 5.000.000 đồng về đưa cho bị cáo M, bị cáo M lấy 2.000.000 đồng, kêu T3 mang 3.000.000 đồng đến gặp Phí Anh Đ3 để chuyển khoản cho bị cáo S, tổng cộng bị cáo Trương Hoàng S nhận chuyển khoản 21.000.000 đồng.

- Từ ngày 11/02/2024 đến 29/5/2024, bị cáo Huỳnh Thị Tuyết N1 chuyển khoản cho bị cáo Nguyễn Phước H 15 lần với tổng số tiền 35.500.000 đồng (trong đó 07 lần chuyển số tiền mỗi lần 1.500.000 đồng; 07 lần chuyển số tiền mỗi lần 3.000.000 đồng; 01 lần chuyển 4.000.000 đồng). Ngoài các lần chuyển khoản, bị cáo C còn đưa tiền mặt cho bị cáo M để bị cáo M nhờ Lê Bảo L2 chuyển khoản cho bị cáo Nguyễn Phước H 10 lần từ ngày 03/01/2024 đến 04/3/2024, mỗi lần 1.500.000 đồng, tổng cộng 15.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo H nhận chuyển khoản 50.500.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo Hồ Văn M còn nhờ Giáp Thanh A đến gặp bị cáo Võ Văn C lấy tiền mặt 03 lần tổng số tiền 14.000.000 đồng đem về đưa cho bị cáo M. Tổng cộng từ việc môi giới hối lộ bị cáo M hưởng lợi 16.000.000 đồng.

Quá trình điều tra các bị cáo Lê Văn S1, Võ Văn C, Phan Văn Đ1, Trần Văn Đ2, Lê Văn L1, Huỳnh Thị Tuyết N1, Hồ Văn M khai nhận hành vi phạm tội phù hợp nội dung diễn biến vụ án, lời khai người liên quan, người làm chứng. Bị cáo Trương Hoàng S thừa nhận đã nhận tiền hối lộ qua chuyển khoản 21.000.000 đồng, không nhận tiền mặt; Bị cáo Nguyễn Phước H không thừa nhận đã nhận tiền hối lộ 50.500.000 đồng, mà cho rằng M mượn của H tiền mặt 50.000.000 đồng; sau đó, bị cáo H nghĩ M nhờ người khác chuyển trả dần tiền đã mượn của bị cáo H trước đó.

Căn cứ vào kết quả điều tra, lời khai của các bị cáo, lời khai những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ thu thập được thì có căn cứ xác định việc bị cáo H khai nại chỉ nhằm trốn tránh trách nhiệm hình sự.

Vật chứng thu giữ; xử lý vật chứng:

- Thu giữ 43 con heo nhập lậu và đã thành lập Đoàn tiêu hủy theo quy định pháp luật.

- 02 (hai) vỏ lãi Composic, trọng tải khoảng 05 tấn (đã qua sử dụng);

- 02 (hai) máy nổ có gắn động cơ đẩy không rõ nhãn hiệu (đã qua sử dụng).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh đen số máy MWHM2ZP/A, số seri F2LZJF612N711 và 01 sim điện thoại kèm số thuê bao 0977766771 (đã qua sử dụng) tạm giữ của bị cáo Võ Văn C.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng đồng, số máy LRRSSC4D7H0Z7TLZ, Mode CPH2471 (đã qua sử dụng) do bị cáo Huỳnh Thị Tuyết N1 giao nộp.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh nhãn hiệu Galaxy A21S, số I 351662617553849; Imei 2: 352465217553840 (đã qua sử dụng) do bị cáo Nguyễn Phước H giao nộp.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S21+5G, số kiểu máy SM G996B, số seri RFCR4032ACN, màu đen (đã qua sử dụng) do bị cáo Trương Hoàng S giao nộp.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57, số Imeil: 869945065818078; số Imei 2: 869945065818065 (đã qua sử dụng) thu tại nhà bị cáo Hồ Văn M.

- 01 (một) điện thoại màu đen, nhãn hiệu NOKIA, số Imei 1: 59606986867441; số Imei 2: 860989222296262 (đã qua sử dụng) thu tại nhà bị cáo Hồ Văn M.

Cáo trạng số 23/CT-VKSAG-P1 ngày 18/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố: Võ Văn C về tội *"Buôn lậu"* và *"Đưa hối lộ"* quy định tại điểm h khoản 2 Điều 188 và điểm đ khoản 2 Điều 364 Bộ luật Hình sự; Lê Văn S1, Phan Văn Đ1, Trần Văn Đ2, Lê Văn L1 về tội *"Buôn lậu"* quy định tại điểm h khoản 2 Điều 188 Bộ luật Hình sự; Trương Hoàng S, Nguyễn Phước H về tội *"Nhận hối lộ"* quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự; Huỳnh Thị Tuyết N1 về tội *"Đưa hối lộ"* quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 364 Bộ luật Hình sự; Hồ Văn M về tội *"Môi giới hối lộ"* quy định tại điểm e khoản 2 Điều 365 Bộ luật Hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 36 ngày 19/5/2025 Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

"...Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 354; điểm s, v, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Tuyên bố các bị cáo Trương Hoàng S, Nguyễn Phước H phạm tội "Nhận hối lộ".

Xử phạt bị cáo Trương Hoàng S 04 (B) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 05/11/2024).

Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 354; điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước H 07 (B1) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 05/11/2024)"...

Bản án còn tuyên hình phạt đối với các bị cáo khác, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo.

* Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 21/6/2025, bị cáo Nguyễn Phước H có đơn kháng cáo kêu oan, bị cáo không nhận hối lộ.

Ngày 20/5/2025, bị cáo Trương Hoàng S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 28/5/2025 bị cáo Võ Văn C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, ngày 05/6/2025 bị cáo có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo. Ngày 11 tháng 9 năm 2025, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo C.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo cho bị cáo M số điện thoại của bị cáo S, sau đó bị cáo M liên lạc thế nào với S thì bị cáo không biết. Bị cáo là công an cấp xã nên chỉ đội kinh tế công an thị xã T mới có chức năng kiểm soát hàng lậu qua biên giới. Bị cáo nhận thức hành vi nhận tiền của các đối tượng để bỏ qua hành vi buôn heo về địa phương là vi phạm pháp luật nên đã chủ động dừng. Bị cáo đã nhiều lần lập biên bản vi phạm đối với các đối tượng buôn heo, đã báo cáo cấp trên và lập chuyên án bắt giữ nhiều đối tượng, sau đó bị cáo bị tố cáo lại hành vi nhận tiền trước đây của bị cáo trong vụ án này. Bị cáo đã chủ động khai báo, ăn năn hối cải, tích cực phối hợp với cơ quan điều tra để điều tra vụ án. Quá trình công tác bị cáo có nhiều thành tích đấu tranh phòng chống tội phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo H kháng cáo kêu oan, bị cáo không nhận hối lộ nên bị cáo không nộp 18 triệu đồng để khắc phục hậu quả như án sơ thẩm nêu. Bị cáo có cho bị cáo M vay 50 triệu đồng nên bị cáo nghĩ bị cáo M nhờ người khác trả dần cho bị cáo, khi số tiền dư ngoài 50 triệu đồng thì bị cáo đã nộp cho cơ quan điều tra để trả lại cho người gửi nhầm. Dấu hiệu cấu thành tội nhận hối lộ phải là có sự thỏa thuận với bên đưa hối lộ, bị cáo không thỏa thuận nên không phạm tội nhận hối lộ.

- Đại diện viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu quan điểm giải quyết kháng cáo của các bị cáo:

Về tội danh cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo S, H là đúng người, đúng tội. Các bị cáo là người có chức vụ quyền hạn, bị cáo S là Trưởng Công an xã T, bị cáo H là đội trưởng Đội Kinh tế - Ma túy có chức năng, nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tội phạm, đặc biệt là hành vi buôn lậu từ Campuchia về Việt Nam. Các đối tượng buôn lậu trong thời gian dài, đã dùng tiền chia chung có các bị

cáo để bỏ qua hành vi phạm tội. Bị cáo H kêu oan cho rằng không phạm tội, nhưng căn cứ vào lời khai của bị cáo C, bị cáo N1 thì bị cáo M cho số tài khoản của bị cáo S, H để chuyển khoản tiền nhiều lần theo các chuyến buôn lậu heo qua biên giới Campuchia về Việt Nam. Cụ thể từ ngày 11/2/2024 đến ngày 29/5/2024 bị cáo H đã nhận qua chuyển khoản tổng số 50,5 triệu đồng, thời điểm nhận tiền trùng với thời gian các bị cáo khác vận chuyển hàng lậu qua biên giới về Việt Nam. Tại phiên tòa bị cáo H thừa nhận các bị cáo C, N1, M không có mâu thuẫn gì với bị cáo nên có căn cứ xác định lời khai của các bị cáo này là khách quan. Hành vi của bị cáo H đã phạm tội nhận hối lộ, không oan sai. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên hình phạt 07 năm tù án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo H.

Đối với hành vi của bị cáo S có nhiều tình tiết giảm nhẹ như án sơ thẩm đã nêu, bị cáo đủ điều kiện xử mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như cấp sơ thẩm đã xử bị cáo 04 năm tù là phù hợp. Các tình tiết giảm nhẹ bị cáo nêu tại phiên tòa phúc thẩm đã được cấp sơ thẩm xem xét nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo S, nên đề nghị giữ nguyên hình phạt án sơ thẩm.

- Luật sư Đ3 bào chữa cho bị cáo H: tại phiên tòa sơ thẩm luật sư trình bày không có kết luận điều tra số 117 ngày 11/10/2024, hồ sơ chỉ có kết luận số 135 ngày 11/10/2024, đại diện Viện Công tố cho rằng cáo trạng nêu kết luận 117 do lỗi đánh máy là không đúng, bị cáo không nhận được kết luận điều tra này. Bị cáo có luật sư nhưng không để luật sư được tham gia hỏi bị cáo để ghi vào biên bản lấy lời khai là vi phạm tố tụng. Lời khai của các bị cáo khác còn nhiều mâu thuẫn. Tại phiên tòa bị cáo S nói cho bị cáo M số điện thoại của bị cáo H để phục vụ nhiệm vụ nhà nước. Cơ quan điều tra bỏ lọt hành vi phạm tội của bị cáo S1, nên đề nghị Hội đồng xét xử tách phần hành vi của bị cáo H với nhóm bị cáo S1, hủy một phần bản án để điều tra lại. Bị cáo H có nhiều thành tích trong công tác nên không vì 50 triệu đồng để đánh đổi sự nghiệp.

- Luật sư N bào chữa cho bị cáo H: lời khai của các bị cáo còn nhiều mâu thuẫn, đề nghị Tòa án hoãn phiên tòa để triệu tập các bị cáo khác trong cùng vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị cáo S, bị cáo H nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội và đơn kháng cáo của các bị cáo:

Từ ngày 30/12/2023 đến ngày 30/5/2024, các bị cáo Lê Văn S1, Võ Văn C có hành vi bàn bạc với nhau và cùng với sự giúp sức của các bị cáo Phan Văn Đ1, Trần Văn Đ2, Lê Văn L1 thực hiện hành vi buôn lậu heo hơi (heo thịt) nhiều lần từ Campuchia vào Việt Nam để bán cho các thương lái tiêu thụ, trong đó số lượng heo hơi bị bắt quả tang là 43 con heo có tổng khối lượng 4.097 kg, giá trị 290.870.000 đồng.

Trong khoảng thời gian trên, bị cáo C nhận từ bị cáo S1 khoảng 350.000.000 đồng, số tiền này bị cáo C sử dụng chung chi cho lực lượng cửa khẩu phía Campuchia, chi tiền cho bị cáo Đ1 khoảng 8.000.000 đồng; bị cáo C 1.200.000 đồng; bị cáo L1 300.000 đồng; thông qua bị cáo M, bị cáo N1 đưa hối lộ bằng hình thức chuyển khoản cho bị cáo Trương Hoàng S (tại thời điểm này là Trưởng Công an xã), bị cáo Nguyễn Phước H (tại thời điểm này là Trinh sát Điều tra công tác tại Đội cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an thị xã T) để bị cáo S và bị cáo H bỏ qua không kiểm tra, không bắt giữ, không xử lý hành vi buôn lậu heo của bị cáo S1 và bị cáo C.

Bị cáo Trương Hoàng S khai nhận, bị cáo N1 chuyển khoản cho bị cáo S 09 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng và 01 lần ngày 27/5/2024 bị cáo M kêu Nguyễn Văn T3 gặp bị cáo C lấy 5.000.000 đồng về đưa cho bị cáo M, bị cáo M lấy 2.000.000 đồng, kêu T3 mang 3.000.000 đồng đến gặp Phí Anh Đ3 để chuyển khoản cho bị cáo S, tổng cộng bị cáo S nhận chuyển khoản 21.000.000 đồng, để bỏ qua hành vi buôn heo trái phép nhiều lần của các bị cáo trong vụ án.

Đối với bị cáo Nguyễn Phước H không thừa nhận hành vi nhận tiền nhiều lần qua tài khoản để bỏ qua hành vi buôn heo trái phép qua biên giới của bị cáo. Căn cứ kết quả điều tra, các dữ liệu sao kê chuyển khoản; lời khai của các bị cáo C, bị cáo M, bị cáo N1 cấp sơ thẩm đã xác định từ ngày 11/02/2024 đến 29/5/2024 bị cáo N1 đã chuyển khoản từ số tài khoản 072773998 vào tài khoản số 822829919 (Ngân hàng M3) tên Nguyễn Phước H 15 lần với tổng số tiền 35.500.000 đồng (trong đó 07 lần chuyển số tiền mỗi lần 1.500.000 đồng; 07 lần chuyển số tiền mỗi lần 3.000.000 đồng; 01 lần chuyển 4.000.000 đồng). Ngoài ra, bị cáo C còn đưa tiền mặt cho bị cáo M để bị cáo M nhờ Lê Bảo L2 sử dụng điện thoại đăng nhập vào app Ngân hàng V1 chuyển khoản cho tên người nhận Nguyễn Phước H số tài khoản822829919 (Ngân hàng M3) 10 lần từ ngày 03/01/2024 đến 04/3/2024, mỗi lần 1.500.000 đồng, tổng cộng 15.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo H nhận chuyển khoản 50.500.000 đồng là tiền có được từ mỗi chuyến buôn heo trái phép từ C về Việt Nam. Bị cáo H cho rằng, trước đó bị cáo H cho bị cáo M mượn 50.000.000 đồng nên M nhờ nhiều người khác chuyển trả, lời khai đối chất giữa bị cáo M, bị cáo H thì bị cáo M khai không mượn tiền của H.

Hành vi của bị cáo sơn, bị cáo H đủ yếu tố cấu thành tội *"Nhận hối lộ"* theo quy định tại điểm đ (phạm tội hai lần trở lên) khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là đúng.

Hành vi của bị cáo S, bị cáo H đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan quản lý Nhà nước tại địa phương. Các bị cáo là Công an được giao nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tội phạm, đặc biệt là tội Buôn lậu qua biên giới từ Camphuchia về Việt Nam vốn rất phức tạp và tiềm ẩn nhiều tội phạm, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng nền kinh tế và thuế của Nhà nước. Các bị cáo nhận thức rõ trách nhiệm của mình được giao nhưng vì tư lợi cá nhân đã nhiều lần bỏ qua các hành vi vi phạm của các bị cáo trong vụ án. Đây là vụ án nằm trong chuỗi các hành vi buôn lậu có đông đồng phạm diễn ra thời gian dài, đã được cơ

quan kiểm tra của Đảng, Nhà nước kiểm tra và xử lý nhiều cán bộ ngành tư pháp, hải quan vi phạm và phải xử lý, như lời khai của bị cáo S tại phiên tòa. Do đó, cần phải xét xử đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời góp phần ổn định trật tự trị an và nền kinh tế thị trường cạnh tranh lành mạnh.

Để thực hiện được hành vi buôn lậu bị cáo C đã nhờ bị cáo M giới thiệu bị cáo S; bị cáo S giới thiệu và cho số điện thoại của bị cáo H cho bị cáo M, bị cáo M nhờ bị cáo N1 và các đối tượng khác để thực hiện hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ cho bị cáo S và bị cáo H nhận tiền bằng hình thức chuyển khoản, nên vai trò bị cáo S và H là ngang nhau, nhưng số tiền bị cáo H nhận nhiều hơn bị cáo S.

Bị cáo S có các tình tiết giảm nhẹ như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp lại toàn bộ số tiền do phạm tội mà có, quá trình công tác có nhiều thành tích, tích cực phối hợp cơ quan điều tra để điều tra tội phạm, theo quy định tại s, v, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo S để xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đã rất khoan hồng, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo S không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt.

Đối với bị cáo H tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng không phạm tội nhận hối lộ nên không nộp lại một phần số tiền thu lợi bất chính 18.000.000 đồng như án sơ thẩm nêu; bị cáo xuất trình biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật ngày 05/11/2024 thể hiện: Tôi tự nguyện giao nộp số tiền 18 triệu đồng là số tiền tôi nhận được từ số tài khoản 972773998 của Huỳnh Thị Tuyết N1 chuyển khoản vào số tài khoản 822829919 ngân hàng MB của tôi trong thời gian 5/2024, số tiền trên tôi nghĩ do N1 chuyển nhầm vào tài khoản của tôi. Tổng cộng tôi nhận được 06 lần chuyển khoản mỗi lần 3.000.000 đồng. Nay tôi giao nộp số tiền 18.000.000 đồng cho cơ quan điều tra làm rõ để xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã làm rõ số tiền này bị cáo N1 chuyển cho bị cáo H từ tiền bị cáo M nhờ chuyển khoản sau mỗi chuyến buôn heo trái phép về Việt Nam. Bị cáo H cho rằng bị cáo N1 chuyển nhầm thì tại sao bị cáo không khai báo nộp cho cơ quan có thẩm quyền ngay lần thứ nhất khi tài khoản của bị cáo nhận được tiền (từ tháng 02/2024 đến tháng 5/2024) để trả lại cho người chuyển khoản và chấm dứt việc chuyển tiền nhầm lần tiếp theo, chỉ đến khi cơ quan điều tra tạm giữ bị cáo ngày 05/11/2024 thì bị cáo mới tự nguyện nộp số 18 triệu đồng này. Mặt khác, giả thuyết có việc người khác chuyển nhầm tiền cho bị cáo H thì ngay sau lần đầu chuyển khoản nhầm đó họ sẽ báo ngân hàng để liên hệ đòi lại số tiền đã chuyển khoản đó, nếu bị cáo không trả thì cơ quan điều tra sẽ có căn cứ xử lý về hành vi cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác và không thể có việc chuyển tiền nhầm nhiều lần tiếp theo.

Từ những nhận định trên, có căn cứ xác định với chức năng nhiệm vụ của bị cáo H và hành vi nhận tiền nhiều lần bằng hình thức chuyển khoản của bị cáo H có mối quan hệ nhân quả với hành vi phạm tội của các bị cáo khác trong vụ án. Hành vi này đủ yếu tố cấu thành tội "nhận hối lộ" với tình tiết tăng nặng "phạm tội nhiều lần" là đúng, không oan.

Cấp sơ thẩm đã xem xét, trước khi phạm tội bị cáo có nhiều thành tích trong công tác được coi là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo mức hình phạt khởi điểm của khoản 2 điều 354 Bộ luật hình sự là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải, không có tình tiết giảm nhẹ mới, bị cáo chỉ kêu oan cho rằng bị cáo không phạm tội, nên không có căn cứ xét giảm hình phạt cho bị cáo.

[3] Quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử.

[4] Ý kiến của luật sư Đ3 bào chữa cho bị cáo H đề nghị hủy một phần bản án để điều tra xét xử lại là không có căn cứ vì các nội dung luật sư nêu đã được cấp sơ thẩm xem xét nêu trong bản án. Tại phiên tòa phúc thẩm luật sư nêu bị cáo S khai "*cho bị cáo M số điện thoại của bị cáo H để phục vụ nhiệm vụ nhà nước"* là do luật sư tự nói, bị cáo S khai rõ là cho bị cáo M số điện thoại của bị cáo H, sau đó bị cáo M liên lạc như thế nào bị cáo không biết. Bị cáo S là công an xã không có chức năng kiểm soát hàng lậu qua biên giới về Việt Nam.

Luật sư N đề nghị hoãn phiên tòa ở phần tranh luận. Việc triệu tập, trích xuất các bị cáo khác trong vụ án không có kháng cáo là không cần thiết vì lời khai của các bị cáo và chứng cứ đã được cơ quan điều tra thu thập, cấp sơ thẩm xét hỏi, đối chất tại phiên tòa.

Vì vậy, ý kiến bào chữa của các luật sư không được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a, Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Hoàng S về xin giảm nhẹ hình phạt.

2. Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Phước H.

3. Giữ nguyên tội danh và hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 36/2025/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, đối với bị cáo H, bị cáo S.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Phước H, Trương Hoàng S phạm tội "Nhận hối lộ".

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 354; điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước H 07 (B1) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/11/2024.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 354; điểm s, v, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trương Hoàng S 04 (B) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/11/2024.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo H, S mỗi người phải chịu 200.000 đồng.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tòa tuyên án là ngày 29/9/2025.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tối cao;
- VCT&KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND An Giang;
- THADS An Giang;
- Công an tỉnh An Giang;
- TTG số 1 CA tỉnh An Giang;

(Để tống đạt cho các bị cáo)
- Lưu: HS, VP, UMTT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh